CHIẾN LƯỢC HIỆU QUẢ TRONG CẢI THIỆN KỸ NĂNG KHẨU NGỮ TIẾNG TRUNG CỦA SINH VIÊN NĂM 2 KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA TRUNG QUỐC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á

Lê Thị Vi Na[a], Trương Đức Lợi[b], Lê Đức Huy[c]

Tóm tắt:

Nghiên cứu tập trung khảo sát phân tích thực trạng luyện tập và kỹ năng giao tiếp khẩu ngữ tiếng Trung của sinh viên. Từ đó đề xuất phương pháp nhằm cải thiện hiệu quả kỹ năng giao tiếp. Vấn đề nghiên cứu trọng tâm là thời lượng đầu tư và phương pháp luyện tập kỹ năng khẩu ngữ của sinh viên hiện còn hạn chế, chưa đạt hiệu quả tối ưu. Mục đích của nghiên cứu là đánh giá thói quen luyện tập khẩu ngữ, mức độ tự tin khi giao tiếp và khả năng vận dụng ngữ điệu của sinh viên, đồng thời xác định các yếu tố tác động đến quá trình phát triển kỹ năng nói của sinh viên. Nghiên cứu vận dụng phương pháp khảo sát và phân tích dữ liệu thực tế từ sinh viên Khoa NN&VH Trung Quốc tại Đại Học Đông Á Đà Nẵng. Kết quả khảo sát nghiên cứu chỉ ra việc tăng cường các hoạt động giao tiếp thực tế, xây dựng kế hoạch luyện tập khẩu ngữ, đồng thời thúc đẩy sự chủ động tham gia của sinh viên là những giải pháp then chốt để cải thiện kỹ năng giao tiếp tự nhiên và hiệu quả.

Từ khóa: *kỹ năng khẩu ngữ, tiếng Trung, luyện tập, từ vựng, sinh viên*

EFFECTIVE STRATEGIES FOR IMPROVING CHINESE ORAL COMMUNICATION SKILLS OF SECOND-YEAR STUDENTS FACULTY OF CHINESE LANGUAGE & CULTURE - DONG A UNIVERSITY

Abstract:

This study focuses on investigating and analyzing the current state of practice and Chinese oral communication skills among students. Based on the findings, methods are proposed to enhance communicative effectiveness. The central research problem identifies that students' time investment and practice methodologies for oral skills remain limited and have yet to reach optimal efficiency. The objective of the study is to evaluate oral practice habits, levels of communication confidence, and the ability to apply intonation, while simultaneously identifying factors influencing the development of students' speaking skills. The research employs survey methods and data analysis involving students from the Faculty of Chinese Language and Culture at Dong A University, Da Nang. The results indicate that intensifying authentic

[a] Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung QuốcTrường Đại học Đông Á. e-mail: na108066@donga.edu.vn
[b] Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung QuốcTrường Đại học Đông Á. e-mail: loi107865@donga.edu.vn
[c] Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung QuốcTrường Đại học Đông Á. e-mail: huy107941@donga.edu.vn

communication activities, establishing structured oral practice plans, and promoting student autonomy are key solutions to improving natural and effective communication performance.

Keywords: *Oral communication skills, Chinese language, practice, vocabulary, students*

Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, xu hướng học tiếng Trung ngày càng phổ biến trong cộng đồng sinh viên Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh hợp tác kinh tế - văn hóa giữa hai nước không ngừng mở rộng. Điều này xuất phát từ thực tế kinh tế, khoa học - công nghệ của Trung Quốc phát triển ngày càng mạnh mẽ. Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế phát triển dẫn đến nhu cầu ngày càng gia tăng đối với việc học và sử dụng tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ (Ngô Văn Khánh 2025). Tiếng Trung không chỉ là công cụ giao tiếp thiết yếu mà còn là phương tiện giúp sinh viên tiếp cận sâu hơn với văn hóa Trung Quốc. Trong đó, kỹ năng giao tiếp được xem là yếu tố then chốt giúp sinh viên diễn đạt ý tưởng và giao tiếp hiệu quả; đồng thời, kỹ năng giao tiếp thành thạo minh chứng cho sự thành công trong việc thụ đắc ngôn ngữ (Vương Thị Liên, Phạm Thị Hường 2025). Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát thực trạng kỹ năng giao tiếp tiếng Trung của sinh viên năm hai Khoa NN&VH Trung Quốc -Trường Đại học Đông Á, nhằm nhận diện những rào cản khó khăn và đề xuất các giải pháp cải thiện kỹ năng giao tiếp cho sinh viên.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng

Nghiên cứu tập trung khảo sát đối tượng là sinh viên năm 2 đang theo học chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc tại Trường Đại học Đông Á. Đây là nhóm đối tượng đã có nền tảng căn bản, giúp phản ánh khách quan thực trạng phát triển kỹ năng khẩu ngữ trong môi trường đại học.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp định lượng: Nghiên cứu thông qua bảng hỏi, cấu trúc gồm 20 câu khảo sát. Tập trung đo lường thói quen thực hành, tốc độ phản xạ năng lực giao tiếp thực tế và rào cản tâm lý.

Phương pháp định tính: Nghiên cứu kết hợp kỹ thuật ghi âm phỏng vấn số lượng 4o sinh viên nhằm làm rõ các rào cản tâm lý và cơ chế dịch thầm khi giao tiếp khẩu ngữ.

Dữ liệu định lượng thu thập từ 122 phiếu khảo sát hợp lệ đã được nhập liệu, làm sạch và xử lý thống kê bằng phần mềm Microsoft Excel để tính toán các chỉ số thống kê mô tả bao gồm tần suất, tỷ lệ phần trăm và độ lệch chuẩn.

Kết quả và thảo luận

Thực trạng khó khăn khi sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học trong giao tiếp tiếng Trung của sinh viên năm 2 Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung QuốcTrường Đại học Đông Á

Biểu đồ 1. Khó khăn khi sử dụng từ vựng và cấu trúc đã học trong giao tiếp

Mức độ	Tỷ lệ (%)
Không gặp khó khăn	1,7
Gặp ít khó khăn	34,4
Khá khó khăn	54,1
Rât kho khăn	9,8

Số liệu thực trạng trên cho thấy phần lớn sinh viên gặp khó khăn khi vận dụng kiến thức từ lý thuyết sang thực hành. Số liệu quá thấp chỉ 1,7% sinh viên không gặp khó khăn. Điều này khẳng định việc nắm vững ngữ pháp và từ vựng trên sách vở chưa đồng nghĩa với khả năng giao tiếp thành thạo, khoảng cách giữa "biết" và "dùng được" là hai việc không đồng nhất. Bên cạnh đó, tỷ lệ 34,4% sinh viên cho biết gặp "ít khó khăn". Nhóm sinh viên này có thể sở hữu nền tảng ngôn ngữ khá vững, đủ để xử lý các tình huống giao tiếp cơ bản. Tuy nhiên, việc rào cản vẫn tồn tại chứng tỏ phản xạ ngôn ngữ của sinh viên chưa đủ linh hoạt trước những ngữ cảnh phức tạp hoặc đòi hỏi sự tự nhiên cao. Thực trạng này phản ánh sự thiếu hụt các hoạt động thực hành đa dạng sát thực tế trong quá trình học và thực hành.

Đáng chú ý nhất, có tới 54,1% sinh viên đánh giá mức độ giao tiếp khẩu ngữ ở mức "khá khó khăn". Tỷ lệ báo động này hiện rõ phần lớn bộ phận sinh viên chưa thể vận dụng hiệu quả kiến thức vào thực tiễn. Thực trạng này có thể bắt nguồn từ ba nguyên nhân chính: thứ nhất, phương pháp giảng dạy còn nặng lý thuyết và thiên về ghi nhớ máy móc; thứ hai, môi trường thiếu cơ hội thực hành khiến sinh viên hạn chế phản xạ và dần mất tự tin; thứ ba, rào cản tâm lý như e ngại, sợ mắc lỗi khi nói.

Ngoài ra, 9,8% sinh viên cho rằng gặp "rất nhiều khó khăn". Số liệu báo động này phản ánh sự tồn tại của một nhóm bộ phận sinh viên đang đối mặt với trở ngại. Sinh viên có thể bị hổng kiến thức nền tảng, chưa tìm được phương pháp học phù hợp, hoặc đang chịu áp lực tâm lý quá lớn lo lắng, tự ti khi sử dụng tiếng Trung.

Các số liệu minh chứng rõ ràng việc dạy và học hiện nay chưa gắn kết chặt chẽ với giao tiếp thực tiễn. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực thực hành.

Thực trạng phản xạ giao tiếp khẩu ngữ tiếng Trung của sinh viên năm 2 Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc Trường Đại học Đông Á

Tốc độ phản xạ giao tiếp khẩu ngữ tiếng Trung

Tốc độ	Tỷ lệ (%)
Hơi chậm	64,8
Khá nhanh	16,4
Cần nhiều thời gian suy nghĩ	13,9
Phản xạ ngay lập tức	4,9

Thực trạng về tốc độ phản xạ khi giao tiếp khẩu ngữ bằng tiếng Trung cho thấy nhiều sinh viên vẫn gặp trở ngại trong việc phản hồi tức thời. Dữ liệu phân tíchchỉ ra rằng 64,8% số lượng sinh viên tự đánh giá phản xạ ở mức "hơi chậm". Tỷ lệ chiếm phần lớn này phản ánh thực trạng phương pháp học tập hiện tại của sinh viên quá chú trọng vào việc ghi nhớ quy tắc ngữ pháp trên sách vở, đang phụ thuộc vào cơ chế dịch ngầm từ tiếng Việt sang tiếng Trung, cần khoảng thời gian nhất định để sắp xếp cấu trúc ngữ pháp trước khi giao tiếp. Thực trạng này cho thấy năng lực tư duy trực tiếp bằng tiếng Trung của sinh viên chưa được thiết lập hiệu quả.

Phản xạ ngôn ngữ là một kỹ năng quan trọng thể hiện mức độ thành thạo của sinh viên (Ngô Phương Thủy 2025). Khi phản xạ chậm, sinh viên thường phải trải qua nhiều bước xử lý trong đầu: suy nghĩ nội dung bằng tiếng Việt, sau đó dịch sang tiếng Trung, cuối cùng diễn đạt thành lời. Quá trình này làm cho tốc độ giao tiếp bị chậm lại và làm gián đoạn mạch hội thoại. Tỷ lệ sinh viên phản xạ chậm khá cao cho thấy khả năng tư duy trực tiếp bằng tiếng Trung của nhiều sinh viên vẫn chưa thực sự phát triển. Bên cạnh đó, 16,4% sinh viên có tốc độ phản xạ "khá nhanh". Nhóm sinh viên này có khả năng xử lý thông tin và trả lời câu hỏi bằng tiếng Trung tương đối linh hoạt. Điều này có thể xuất phát từ việc sinh viên có nhiều cơ hội luyện tập giao tiếp hoặc thường xuyên tiếp xúc với tiếng Trung trong quá trình học tập và sinh hoạt.

Ngược lại, 13,9% sinh viên cho rằng cần nhiều thời gian suy nghĩ trước khi trả lời câu hỏi. Thực trạng cho thấysinh viên gặp khó khăn đáng kể trong việc xử lý thông tin bằng tiếng Trung. Những sinh viên này có thể cần nhiều thời gian để lựa chọn từ vựng phù hợp, sắp xếp cấu trúc câu và kiểm tra độ chính xác của câu nói trước khi giao tiếp. Đáng chú ý, chỉ có 4,9% sinh viên có thể phản xạ ngay lập tức khi trả lời câu hỏi bằng tiếng Trung. Đây là nhóm sinh viên có khả năng sử dụng ngôn ngữ khá thành thạo, có thể phản hồi nhanh mà không cần thời gian suy nghĩ quá lâu. Sự chênh lệch số liệu rõ ràng này khẳng định phần lớn phương pháp luyện tập giao tiếp khẩu ngữ tiếng Trung hiện tại của bộ phận sinh viên còn lại hiệu quả hiệu quả đạt được còn quá thấp.

Kết luận

Thông qua quá trình nghiên cứu thực trạng và phân tích dữ liệu, đề tài đã làm rõ thực trạng năng lực khẩu ngữ tiếng Trung của sinh viên năm 2 Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc - Trường Đại học Đông Á. Rào cản lớn nhất là khoảng cách giữa kiến thức lý thuyết và khả năng vận dụng thực hành thực tế. Số liệu cho thấy chỉ có số ít sinh viên cảm thấy hoàn toàn không gặp khó khăn, trong khi hơn một nửa số lượng sinh viên khảo sát cho rằng gặp nhiều trở ngại khi đưa từ vựng và cấu trúc đã học vào ngữ cảnh giao tiếp cụ thể. Thực trạng này minh chứng rằng việc ghi nhớ máy móc kiến thức trong sách vở không thể thay thế cho quá trình rèn luyện phản xạ. Phần lớn sinh viên vẫn duy trì thói quen tư duy dịch ngầm từ tiếng Việt sang tiếng Trung trước khi giao tiếp, khiến mạch hội thoại bị gián đoạn và thiếu đi sự tự nhiên.

Nguyên nhân của những thực trạng này mang tính hệ thống, xuất phát từ sự kết hợp giữa phương pháp giảng dạy, môi trường thực hành và thói quen tự học. Thời gian đầu tư cho việc luyện tập khẩu ngữ của sinh viên còn hạn chế, trong khi các phương pháp tiếp cận đôi khi còn nặng về tính hàn lâm, chưa sát với các tình huống giao tiếp đời sống. Bên cạnh đó, việc thiếu hụt một môi trường "tiếp xúc" ngôn ngữ thường xuyên, khiến phản xạ tư duy trực tiếp bằng tiếng Trung chưa có điều kiện hình thành và phát triển bền vững.

Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đề xuất 4 nhóm phương pháp trọng tâm nhằm cải thiện kỹ năng giao tiếp tiếng khẩu ngữ tiếng Trung đối với sinh viên: *(1)* Nhận thức (Tư duy trực tiếp): Loại bỏ cơ chế dịch ngầm thông qua kỹ thuật "Dán nhãn không gian - Phản ứng thể chất toàn diện - Độc thoại nội tâm". *(2)* Tâm lý & Ngữ âm: giảm thiểu rào cản "nỗi sợ tâm lý" trong giao tiếp bằng công nghệ đàm thoại AI, tối ưu hóa ngữ điệu và ngữ âm qua kỹ thuật *Shadowing* 4 giai đoạn "nghe - giải mã - nhại lại - kiểm tra". *(3)* Giảng dạy: Chuyển dịch sang mô hình "*Lớp học đảo ngược* và *Dạy học dựa trên nhiệm vụ"* nhằm giải phóng thời lượng cho tương tác giao tiếp khẩu ngữ thực tế. *(4)* Khai thác môi trường: Khai thác môi trường du lịch Đà Nẵng làm "môi trường", triển khai dự án *"Bạn đồng hành ngôn ngữ".*

Tổng quan, việc nâng cao kỹ năng giao tiếp khẩu ngữ tiếng Trung là một thách thức lớn nhưng hoàn toàn khả thi nếu có sự phối hợp nhịp nhàng giữa đổi mới giáo dục và nỗ lực cá nhân. Song song đó, sinh viên cần chủ động phát triển lộ trình rèn luyện giao tiếp khẩu ngữ tiếng trung cá nhân để đạt hiệu quả tối ưu. Kết quả nghiên cứu này không chỉ đóng góp về mặt thực tiễn cho công tác giảng dạy tại Trường Đại học Đông Á mà còn là tài liệu tham khảo giá trị cho các mô hình đào tạo ngôn ngữ tương tương. Trong tương lai, các hướng nghiên cứu tiếp theo có thể đi sâu vào việc đánh giá hiệu quả của từng phương pháp can thiệp cụ thể hoặc mở rộng đối tượng khảo sát sang các khối ngành khác để có cái nhìn tổng quát hơn về năng lực ngoại ngữ của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thị Thanh Huệ. (2018). Một số giải pháp nâng cao chất lượng kỹ năng nói trong thực hành tiếng cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. *Khoa học – Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, (22)*, 115–120.

Lưu Hớn Vũ. (2023). Chiến lược học tập kĩ năng nói tiếng Trung Quốc của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. *Nghiên cứu Nước ngoài, 39*(1), 106–117.

Ngô Văn Khánh. (2025). Phương pháp nâng cao kĩ năng giao tiếp cho sinh viên học tiếng Trung Quốc. *Tâm lý Giáo dục, 31*(2), 84–87.

Ngô Phương Thủy. (2025). Sử dụng role playing trong dạy học kỹ năng nói cho sinh viên chuyên ngữ năm nhất tại Trường Đại học Đồng Tháp. *Tâm lý Giáo dục, 31*(5), 160.